

Số: 1808 /CAT-PTM

Lai Châu, ngày 02 tháng 4 năm 2024

V/v xin ý kiến tham gia vào dự thảo
Tờ trình của Công an tỉnh, Tờ trình
của UBND tỉnh, Nghị quyết của
HĐND tỉnh, Quyết định của UBND
tỉnh số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật
tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- Kính gửi: - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Công an tỉnh Lai Châu được giao chủ trì, xây dựng dự thảo Tờ trình của Công an tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Quyết định của UBND tỉnh số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Để hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình của Công an tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh. Công an tỉnh trân trọng đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố tham gia ý kiến đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh.

(Có dự thảo gửi kèm theo, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Công an tỉnh Lai Châu: <http://congan.laichau.gov.vn>)

Đề nghị Trung tâm tin học và Công báo tỉnh đăng tải nội dung dự thảo Tờ trình của Công an tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu (thời gian đăng tải là 30 ngày) để các tổ chức, cá nhân biết và tham gia ý kiến.

Văn bản tham gia ý kiến đề nghị gửi về Công an tỉnh (qua Phòng Tham mưu) trước ngày 15/4/2024 để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc CAT;
- Lưu: VT, PTM.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Tao Văn Trường

Số: /TTr-CAT-PTM

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng
thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham
gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Thực hiện Quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các Luật, Nghị quyết được Quốc Hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6.

Công an tỉnh Lai Châu kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

- Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Về lực lượng Công an xã bán chuyên trách: Thực hiện Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bố trí Công an xã bán chuyên trách tại 837 thôn, bản với 833 đồng chí (đảm bảo mỗi thôn, bản bố trí 01 Công an viên).

Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 833 đồng chí, nữ: 00 đồng chí;

- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 12 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 62 đồng chí; dưới trung cấp 759 đồng chí; đã được đào tạo trung cấp Công an 17 đồng chí;

- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 206 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 577 đồng chí, trên 50 tuổi 50 đồng chí;

- Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Công an viên ở thôn, bản = $0,5 \times 1.800.000đ = 900.000đ/tháng$.

2.2. Về lực lượng Bảo vệ dân phố: Thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố. Hiện nay lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại các 05 phường, 07 thị trấn với 353 thành viên, cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 351 đồng chí, nữ 02 đồng chí;

- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 08 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 24 đồng chí; dưới trung cấp 321 đồng chí; Đã được tập huấn nghiệp vụ 290 đồng chí;

- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 35 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 185 đồng chí; trên 50 tuổi 133 đồng chí;

- Chế độ hỗ trợ:

+ Đối với Trưởng ban, Phó trưởng ban thực hiện theo Nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mức hỗ trợ:

Stt	Chức danh (ở phường, thị trấn, thôn, bản)	Mức phụ cấp (Số lần mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,2	1,1	1,0
2	Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,1	1,0	0,9
3	Tổ trưởng bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,4		
4	Tổ phó bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,3		
5	Tổ viên bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,2		

2.3. Đối với lực lượng Dân phòng: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Lai Châu được bố trí tại 956 thôn, bản, tổ dân phố với 956 Đội dân phòng với 1.912 đồng chí Đội trưởng, Đội phó. Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 1.912 đồng chí, nữ 0 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên 0 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 60 đồng chí; dưới trung cấp 1.852 đồng chí; đã được tập huấn nghiệp vụ 956 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 715 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 808 đồng chí; trên 50 tuổi 389 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh. Trong đó quy định mức hỗ trợ/mức lương tối thiểu vùng/tháng:

- + Đội trưởng: 17% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.
- + Đội phó: 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

Căn cứ tình hình thực tế nêu trên và tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, Công an tỉnh báo cáo, đề nghị UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích: Cụ thể hóa các quy định của Luật Lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quan điểm xây dựng văn bản: Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và

hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh: Tổ dân phố, thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu (theo yêu cầu, nhiệm vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới, đối với thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự”).

2. Đối tượng áp dụng

- Công an xã bán chuyên trách.
- Bảo vệ dân phố.
- Dân phòng.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục tiêu của chính sách: Nâng cao ý thức, trách nhiệm của thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Nội dung của chính sách: Quy định chế độ, mức chi hỗ trợ đối với thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” ở tổ dân phố, thôn, bản (viết tắt là khu dân cư) bố trí tại 956 khu dân cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, dự kiến các mức như sau:

2.1. Tổ trưởng: 0,7 mức lương cơ sở.

2.2. Tổ phó: 0,65 mức lương cơ sở.

2.3. Thành viên: 0,6 mức lương cơ sở.

3. Giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản: Quy định chế độ, chính sách, mức chi hỗ trợ đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai châu theo yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung chính của Nghị quyết

Những căn cứ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Điều 1. Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

1. Số lượng: Mỗi bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh bố trí 01 (một) "*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*". Mỗi tổ gồm 03 (ba) thành viên (*trong đó: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 01 thành viên*). Trong đó Tổ trưởng được bổ nhiệm từ Công an viên, tổ phó được bổ nhiệm từ Đội trưởng dân phòng; Thành viên được bổ nhiệm từ tổ phó tổ dân phòng thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh và Bảo vệ dân phố thuộc các thị trấn, phường.

2. Mức hỗ trợ (*Mức hỗ trợ kinh phí tính theo hệ số mức lương cơ sở hiện hành*).

2.1. Tổ trưởng: 0,7 mức lương cơ sở.

2.2. Tổ phó: 0,65 mức lương cơ sở.

2.3. Thành viên: 0,6 mức lương cơ sở.

(*Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh quy định tại khoản 2 Điều này thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của từng chức danh kiêm nhiệm*).

3. Mức hỗ trợ đối với Công an viên ở thôn, bản thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh; Bảo vệ dân phố thuộc các thị trấn, phường khi thôi làm nhiệm vụ:

3.1. Đối với Công an viên ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh; Bảo vệ dân phố ở các thị trấn, phường do bố trí, sắp xếp theo quy định của Nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền là một tháng phụ cấp đang hưởng.

3.2. Đối với Công an viên ở thôn, bản, thôn thuộc xã và thị trấn; Bảo vệ dân phố ở các thị trấn, phường khi thực hiện theo Nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương mức hỗ trợ được hưởng tại thời điểm trước khi thôi làm nhiệm vụ, tương ứng với thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Công an viên, Bảo vệ dân phố nhưng tối đa không quá 03 tháng, cụ thể:

STT	Thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ	Mức hỗ trợ được hưởng khi nghỉ việc
1	Dưới 12 tháng	1 tháng
2	Từ đủ 12 tháng đến dưới 15 tháng	1,2 tháng
3	Từ đủ 15 tháng đến dưới 18 tháng	1,4 tháng
4	Từ đủ 18 tháng đến dưới 21 tháng	1,6 tháng
5	Từ đủ 21 tháng đến dưới 24 tháng	1,8 tháng
6	Từ đủ 24 tháng đến dưới 27 tháng	2,0 tháng
7	Từ đủ 27 tháng đến dưới 30 tháng	2,2 tháng
8	Từ đủ 30 tháng đến dưới 33 tháng	2,4 tháng
9	Từ đủ 33 tháng đến dưới 36 tháng	2,6 tháng
10	Từ đủ 36 tháng đến dưới 39 tháng	2,8 tháng
11	Từ đủ 39 tháng trở lên	3,0 tháng

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo và bố trí trong dự toán ngân sách xã, thị trấn hằng năm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm:

- Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

- Các quy định đối với Công an viên bán chuyên trách, bảo vệ dân phố tại các thôn, bản, tổ dân phố được quy định tại Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Ngân sách địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được phân bổ dự toán hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. **Với phương án ngân sách hàng năm là 50.390.186.400 đồng/năm, được tính như sau:**

1. Mức chi phụ cấp hàng năm

1.1. Tổ trưởng:

$956 \text{ người} \times 0,7 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 14.454.720.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Mười bốn tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2. Tổ phó

$956 \text{ người} \times 0,65 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 13.422.240.000đ$ (Bằng chữ: Mười ba tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.3. Thành viên

$956 \text{ người} \times 0,6 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 12.389.760.000đ$ (Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng kinh phí (1.1 + 1.2 + 1.3): 40.266.720.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Thành viên tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 22% bảo hiểm xã hội tự nguyện, 4,5% bảo hiểm y tế theo quy định (Căn cứ Điều 87 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động như sau: Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hàng tháng đóng 22% mức thu nhập tháng mà người tham gia tự lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nhưng không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế). Trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định với mức đóng theo quy định hiện hành.

2.1. Tổ trưởng:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.260.000đ/\text{tháng} = 265.000.320 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 3.180.003.840 \text{ đồng/năm}$.

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.260.000 \text{ đồng/tháng} = 54.420.520 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 653.046.240 \text{ đồng/năm}$.

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 tổ trưởng là: $3.180.003.840 \text{ đồng} + 653.046.240 \text{ đồng} = 3.833.050.080 \text{ đồng/năm}$.

2.1. Tổ phó:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.170.000 \text{ đồng/tháng} = 246.607.440 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 2.952.892.800 \text{ đồng/năm}$.

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.170.000 \text{ đồng/tháng} = 50.333.400 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 604.000.800 \text{ đồng/năm}$.

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 Tổ phó là: $2.952.892.800 \text{ đồng} + 604.000.800 \text{ đồng} = 3.556.893.600 \text{ đồng/năm}$.

2.3. Tổ viên:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.080.000 \text{ đồng/tháng} = 227.145.600 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 2.725.747.200 \text{ đồng/năm}$.

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.080.000 \text{ đồng/tháng} = 46.461.600 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 557.539.200 \text{ đồng/năm}$.

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 Tổ viên là: $2.725.747.200 \text{ đồng} + 557.539.200 \text{ đồng} = 3.283.286.400 \text{ đồng/năm}$.

Tổng: Tổ trưởng + Tổ phó + Tổ viên = $3.833.050.080 \text{ đồng} + 3.556.893.600 \text{ đồng} + 3.283.286.400 \text{ đồng} = 10.123.466.400 \text{ đồng}$ (Mười tỷ một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

3. Các nguồn thu hợp pháp khác.

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Sau khi UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh có văn bản chấp thuận xây dựng Nghị quyết; Công an tỉnh tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, trình kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PTM.

GIÁM ĐỐC

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh về tổ chức kỳ họp ...

Theo Đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số/TTr-CAT-PTM ngày /4/2024, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;
- Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày

14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Về lực lượng Công an xã bán chuyên trách: Thực hiện Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bố trí Công an xã bán chuyên trách tại 837 thôn, bản với 833 đồng chí (đảm bảo mỗi thôn, bản bố trí 01 Công an viên).

Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 833 đồng chí, nữ: 00 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 12 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 62 đồng chí; dưới trung cấp 759 đồng chí; đã được đào tạo trung cấp Công an 17 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 206 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 577 đồng chí, trên 50 tuổi 50 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Công an viên ở thôn, bản = $0,5 \times 1.800.000đ = 900.000đ/tháng$.

2.2. Về lực lượng Bảo vệ dân phố: Thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố. Hiện nay lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại các 05 phường, 07 thị trấn với 353 thành viên, cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 351 đồng chí, nữ 02 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 08 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 24 đồng chí; dưới trung cấp 321 đồng chí; Đã được tập huấn nghiệp vụ 290 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 35 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 185 đồng chí; trên 50 tuổi 133 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ:
- + Đối với Trưởng ban, Phó trưởng ban thực hiện theo Nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mức hỗ trợ:

Stt	Chức danh (ở phường, thị trấn, thôn, bản)	Mức phụ cấp (Số lần mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,2	1,1	1,0
2	Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,1	1,0	0,9

3	Tổ trưởng bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,4
4	Tổ phó bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,3
5	Tổ viên bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,2

2.3. Đối với lực lượng Dân phòng: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Lai Châu được bố trí tại 956 thôn, bản, tổ dân phố với 956 Đội dân phòng với 956 Đội trưởng, 956 Đội phó. Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 1912 đồng chí, nữ 0 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên 0 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 60 đồng chí; dưới trung cấp 1.852 đồng chí; đã được tập huấn nghiệp vụ 956 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 133 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 635 đồng chí; trên 50 tuổi 188 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Trong đó quy định mức hỗ trợ/mức lương tối thiểu vùng/tháng:

+ Đội trưởng: 17% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

+ Đội phó: 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

Căn cứ tình hình thực tế nêu trên và tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, Công an tỉnh báo cáo, đề nghị UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích: Cụ thể hóa các quy định của Luật Lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quan điểm xây dựng văn bản: Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh: Tổ dân phố, thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu (theo yêu cầu, nhiệm vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới, đối với thành viên "Tổ bảo vệ an ninh, trật tự").

2. Đối tượng áp dụng

- Công an xã bán chuyên trách.
- Bảo vệ dân phố.
- Dân phòng.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục tiêu của chính sách: Nâng cao ý thức, trách nhiệm của thành viên “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Nội dung của chính sách: Quy định chế độ, mức chi hỗ trợ đối với thành viên “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” ở tổ dân phố, thôn, bản (*viết tắt là khu dân cư*) bố trí tại 956 khu dân cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, dự kiến các mức như sau:

2.1. *Tổ trưởng: 0,7 mức lương cơ sở.*

2.2. *Tổ phó: 0,65 mức lương cơ sở.*

2.3. *Thành viên: 0,6 mức lương cơ sở.*

3. Giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản: Quy định chế độ, chính sách, mức chi hỗ trợ đối với “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai châu theo yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung chính của Nghị quyết

Những căn cứ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Điều 1. Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

1. Số lượng: Mỗi bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh bố trí 01 (một) “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*”. Mỗi tổ gồm 03 (ba) thành viên (*trong đó: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 01 thành viên*). Trong đó Tổ trưởng được bổ nhiệm từ Công an viên, tổ phó được bổ nhiệm từ Đội trưởng dân phòng; Thành viên được bổ nhiệm từ tổ phó tổ dân phòng thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh và Bảo vệ dân phố thuộc các thị trấn, phường.

2. Mức hỗ trợ (*Mức hỗ trợ kinh phí tính theo hệ số mức lương cơ sở hiện hành*).

2.1. Tổ trưởng: 0,7 mức lương cơ sở.

2.2. Tổ phó: 0,65 mức lương cơ sở.

2.3. Thành viên: 0,6 mức lương cơ sở.

(*Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh quy định tại khoản 2 Điều này thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của từng chức danh kiêm nhiệm*).

3. Mức hỗ trợ đối với Công an viên ở thôn, bản thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh; Bảo vệ dân phố thuộc các thị trấn, phường khi thôi làm nhiệm vụ:

3.1. Đối với Công an viên ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh; Bảo vệ dân phố ở các thị trấn, phường do bố trí, sắp xếp theo quy định của Nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền là 1 tháng phụ cấp đang hưởng.

3.2. Đối với Công an viên ở thôn, bản, thôn thuộc xã và thị trấn; Bảo vệ dân phố ở các thị trấn, phường khi thực hiện theo Nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương mức hỗ trợ được hưởng tại thời điểm trước khi thôi làm nhiệm vụ, tương ứng với thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Công an viên, Bảo vệ dân phố nhưng tối đa không quá 03 tháng, cụ thể:

STT	Thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ	Mức hỗ trợ được hưởng khi nghỉ việc
1	Dưới 12 tháng	1 tháng

2	Từ đủ 12 tháng đến dưới 15 tháng	1,2 tháng
3	Từ đủ 15 tháng đến dưới 18 tháng	1,4 tháng
4	Từ đủ 18 tháng đến dưới 21 tháng	1,6 tháng
5	Từ đủ 21 tháng đến dưới 24 tháng	1,8 tháng
6	Từ đủ 24 tháng đến dưới 27 tháng	2,0 tháng
7	Từ đủ 27 tháng đến dưới 30 tháng	2,2 tháng
8	Từ đủ 30 tháng đến dưới 33 tháng	2,4 tháng
9	Từ đủ 33 tháng đến dưới 36 tháng	2,6 tháng
10	Từ đủ 36 tháng đến dưới 39 tháng	2,8 tháng
11	Từ đủ 39 tháng trở lên	3,0 tháng

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo và bố trí trong dự toán ngân sách xã, thị trấn hàng năm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm:

- Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên đị bàn tỉnh.

- Các quy định đối với Công an viên bán chuyên trách, bảo vệ dân phố tại các thôn, bản, tổ dân phố được quy định tại Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Ngân sách địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được phân bổ dự toán hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. **Với phương án ngân sách hàng năm là 50.390.186.400 đồng/năm, được tính như sau:**

1. Mức chi phụ cấp hàng năm

1.1. Tổ trưởng:

$956 \text{ người} \times 0,7 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 14.454.720.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Mười bốn tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2. Tổ phó

$956 \text{ người} \times 0,65 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 13.422.240.000đ$ (Bằng chữ: Mười ba tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.3. Thành viên

$956 \text{ người} \times 0,6 \times 1.800.000đ \times 12 \text{ tháng} = 12.389.760.000đ$ (Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng kinh phí (1.1 + 1.2 + 1.3): 40.266.720.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Thành viên tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 22% bảo hiểm xã hội tự nguyện, 4,5% bảo hiểm y tế theo quy định (Căn cứ Điều 87 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động như sau: Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hàng tháng đóng 22% mức thu nhập tháng mà người tham gia tự lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nhưng không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế). Trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định với mức đóng theo quy định hiện hành.

2.1. Tổ trưởng:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.260.000đ \text{ đồng/tháng} = 265.000.320 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 3.180.003.840 \text{ đồng/năm}$.

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.260.000đ \text{ đồng/tháng} = 54.420.520 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 653.046.240 \text{ đồng/năm}$.

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 tổ trưởng là: 3.180.003.840 đồng + 653.046.240 đồng = 3.833.050.080 đồng/năm.

2.1. Tổ phó:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.170.000 \text{đồng/tháng} = 246.607.440 \text{đồng} \times 12 \text{ tháng} = 2.952.892.800 \text{ đồng/năm.}$

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.170.000 \text{đồng/tháng} = 50.333.400 \text{đồng} \times 12 \text{ tháng} = 604.000.800 \text{ đồng/năm.}$

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 Tổ phó là: $2.952.892.800 \text{ đồng} + 604.000.800 \text{ đồng} = 3.556.893.600 \text{ đồng/năm.}$

2.3. Tổ viên:

- Bảo hiểm xã hội: $956 \text{ người} \times 22\% \times 1.080.000 \text{đồng/tháng} = 227.145.600 \text{đồng} \times 12 \text{ tháng} = 2.725.747.200 \text{ đồng/năm.}$

- Bảo hiểm y tế: $956 \text{ người} \times 4,5\% \times 1.080.000 \text{đồng/tháng} = 46.461.600 \text{đồng} \times 12 \text{ tháng} = 557.539.200 \text{ đồng/năm.}$

Tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng năm đối với 956 Tổ phó là: $2.725.747.200 \text{ đồng} + 557.539.200 \text{ đồng} = 3.283.286.400 \text{ đồng/năm.}$

Tổng: Tổ trưởng + Tổ phó + Tổ viên = $3.833.050.080 \text{ đồng} + 3.556.893.600 \text{đồng} + 3.283.286.400 \text{ đồng} = 10.123.466.400 \text{ đồng}$ (Mười tỷ một

3. Các nguồn thu hợp pháp khác

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Sau khi Thường trực HĐND tỉnh có văn bản chấp thuận xây dựng Nghị quyết; UBND tỉnh giao Công an tỉnh tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, trình kỳ họp HĐND tỉnh khóa theo quy định. UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch; Các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /BC-CAT-PTM Lai Châu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.../.../2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số.../.../2024/TT-BCA ngày tháng năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các Luật, Nghị quyết được Quốc Hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6.

Công an tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh về Đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu với các nội dung như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Lai Châu là tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống, có tuyến biên giới dài giáp Trung Quốc; là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái. Đây cũng là địa bàn mà các thế lực thù địch tập trung các hoạt động chống phá, nhất là việc lợi dụng các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước, chính quyền ta; một số vấn đề về an ninh xã hội như di dịch dân cư không theo kế hoạch, tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến việc triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn để chống phá ta về dân chủ nhân quyền.

Trong những năm qua lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng trên địa bàn tỉnh đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đảm bảo, ban hành nhiều Nghị quyết có liên quan để hỗ trợ, bồi dưỡng (*Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh*).

Công an tỉnh và Công an các huyện, thành phố thường xuyên quan tâm đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ. Từ đó lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng đã phối hợp, giúp đỡ lực lượng Công an xác minh, điều tra, khám phá, phòng cháy, chữa cháy hàng trăm vụ việc phức tạp phát sinh ngay từ cơ sở.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Việc đề nghị HĐND tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi và hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm việc áp dụng thống nhất các quy định theo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. Được quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14; Khoản 1, Điều 23; Điểm b, khoản 2, Điều 23; Khoản 2, Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Chính phủ và Bộ Công an.

- Động viên lực lượng “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” tham gia tích cực hơn nữa trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề

1.1. Về lực lượng Công an xã bán chuyên trách: Thực hiện Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bố trí Công an xã bán chuyên trách tại 837 thôn, bản với 833 đồng chí (đảm bảo mỗi thôn, bản bố trí 01 Công an viên).

Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 833 đồng chí, nữ: 00 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 12 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 62 đồng chí; dưới trung cấp 759 đồng chí; đã được đào tạo trung cấp Công an 17 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 206 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 577 đồng chí, trên 50 tuổi 50 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Công an viên ở thôn, bản = $0,5 \times 1.800.000đ = 900.000đ/tháng$.

1.2. Về lực lượng Bảo vệ dân phố: Thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố. Hiện nay lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại các 05 phường, 07 thị trấn với 353 thành viên, cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 351 đồng chí, nữ 02 đồng chí;
 - Trình độ: Từ Đại học trở lên: 08 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 24 đồng chí; dưới trung cấp 321 đồng chí; Đã được tập huấn nghiệp vụ 290 đồng chí;
 - Độ tuổi: dưới 30 tuổi 35 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 185 đồng chí; trên 50 tuổi 133 đồng chí;
 - Chế độ hỗ trợ:
- + Đối với Trưởng ban, Phó trưởng ban thực hiện theo Nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mức hỗ trợ:

Stt	Chức danh (ở phường, thị trấn, thôn, bản)	Mức phụ cấp (Số lần mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,2	1,1	1,0
2	Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố	1,1	1,0	0,9
3	Tổ trưởng bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,4		

4	Tổ phó bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,3
5	Tổ viên bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố, khu dân cư thuộc phường, thị trấn)	0,2

1.3. Đối với lực lượng Dân phòng: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Lai Châu được bố trí tại 956 thôn, bản, tổ dân phố với 956 Đội dân phòng với 1.912 đồng chí Đội trưởng, Đội phó. Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 1.912 đồng chí, nữ 0 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên 0 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 60 đồng chí; dưới trung cấp 1.852 đồng chí; đã được tập huấn nghiệp vụ 956 đồng chí;
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 715 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 808 đồng chí; trên 50 tuổi 389 đồng chí;
- Chế độ hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh. Trong đó quy định mức hỗ trợ/mức lương tối thiểu vùng/tháng:

Stt	Chức danh (ở xã, phường, thị trấn, thôn, bản)	Mức hỗ trợ (Số lần mức lương cơ sở)
1	Đội trưởng	17% mức lương tối thiểu vùng/ người/tháng.
2	Đội phó	15% mức lương tối thiểu vùng/ người/tháng.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở.
- Quy định chế độ, mức chi hỗ trợ đối với thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” tổ dân phố, thôn, bản đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và sinh hoạt.

3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Quy định chế độ, chính sách, mức chi hỗ trợ đối với thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự” ở tổ dân phố, thôn, bản trên địa bàn tỉnh (theo yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới, đối với thành viên “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự”).

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

- Tác động về kinh tế

+ Tích cực: Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở; giảm số lượng thành viên; hỗ trợ ổn định cuộc sống, đáp ứng yêu cầu công tác và sinh hoạt.

+ Hạn chế: Làm phát sinh nguồn ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương hỗ trợ cho Lực lượng này.

- Tác động về mặt xã hội: Phát huy vai trò tích cực của “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ngay từ cơ sở.

- Tác động về mặt giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động thủ tục hành chính: Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

III. LẤY Ý KIẾN

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động được lấy ý kiến bằng nhiều hình thức và nhiều đối tượng khác nhau:

- Dự thảo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Công an tỉnh trong thời gian 30 ngày để các cá nhân, tổ chức góp ý rộng rãi.

- Lấy ý kiến các Sở, ngành và các địa phương qua văn bản góp ý, các cuộc họp theo chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh.

IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Công an tỉnh Lai Châu trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CAT.

GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND Lai Châu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số.../.../2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số .../.../2024/TT-BCA ngày tháng năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày tháng năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan.

Điều 3: Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi khu phố, thôn, bản thuộc địa bàn xã, phường, thị trấn thành lập một Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Đối với khu phố, thôn, bản có quy mô dân số dưới 3.000 người thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự gồm 03 thành viên (01 tổ trưởng, 01 tổ phó, 01 tổ viên).

b) Đối với khu phố, thôn, bản có quy mô dân số trên 3.000 người thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự gồm 04 thành viên (01 tổ trưởng, 01 tổ phó, 02 tổ viên).

Điều 4: Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Chức danh và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Stt	Chức danh	Mức hỗ trợ (Số lần mức lương cơ sở)
1	Tổ trưởng (ở thôn, bản, tổ dân phố)	0,7
2	Tổ phó (ở thôn, bản, tổ dân phố)	0,65
3	Tổ viên (ở thôn, bản, tổ dân phố)	0,6

2. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố. Mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ hàng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

b) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các xã, phường, thị trấn bố trí kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng một người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh, đảm bảo tất cả các công việc ở thôn, bản, tổ dân phố đều có người đảm nhiệm và thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của địa phương.

c) Trường hợp kiêm nhiệm 02 chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 5: Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế và chi hỗ trợ thôi việc đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

a) Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thấp nhất 22% mức lương cơ sở.

b) Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế một năm **4,5%**.

2. Chi hỗ trợ thôi việc đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố có thời gian công tác liên tục từ 12 tháng đến dưới 15 năm không tiếp tục tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần bằng mức phụ cấp quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này.

b) Quy định này không áp dụng đối với Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 6: Mức bồi dưỡng Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, bản, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ vào ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ hoặc thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Thực hiện nhiệm vụ vào ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ hoặc thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Mức chi bồi dưỡng tối đa 50.000 đồng/người, 06 tháng không quá 10 ngày.

2. Thực hiện các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Mức chi bồi dưỡng tối đa là 70.000 đồng/người/ngày, 06 tháng không quá 10 ngày.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 8. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các Nghị quyết, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm:

Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

Các quy định đối với Công an viên bán chuyên trách, bảo vệ dân phố tại các thôn, bản, tổ dân phố được quy định tại Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa, kỳ họp ... thông qua ngày .. tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: /QĐ-UBND

Lai châu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật lực lượng đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024 Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số/TTr-CAT-PTM ngày / /2024

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quy định về số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Tổng số 956 Tổ bảo vệ an ninh trật tự tại 956 thôn, bản, tổ dân phố (gọi là khu dân cư) trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: 956 tổ.
2. Cơ cấu bố trí Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:
 - a, Thành phố Lai Châu: 72 tổ/72 khu dân cư;
 - b, Huyện Tam Đường: 126 tổ/126 khu dân cư;
 - c, Huyện Tân Uyên: 93 tổ/93 tổ dân phố, bản;
 - d, Huyện Than Uyên: 131 tổ/131 khu dân cư;
 - e, Huyện Sìn Hồ: 185 tổ/185 khu dân cư;
 - f, Huyện Phong Thổ: 170 tổ/170 khu dân cư;
 - g, Huyện Nậm Nhùn: 69 tổ/69 khu dân cư;
 - h, Huyện Mường Tè: 110 tổ/110 khu dân cư.

Điều 2. Quy định về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cụ thể:

STT	Chức vụ	Số lượng thành viên
1	Tổ trưởng	1
2	Tổ phó	1
3	Thành viên	1
Tổng số		3

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

Điều 4: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH